|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: /TTr-UBND  **(DỰ THẢO)** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Kạn, ngày tháng 9 năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành**

**kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND**

**ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh)**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh), với những nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Căn cứ pháp lý**

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 (Luật NSNN năm 2015);

Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị quyết số 111/2024/QH15);

Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg);

Theo đó tại điểm c khoản 3 Điều 52 Luật NSNN năm 2015 quy định:

*“**3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:*

*c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.”*

Tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 quy địnhnhư sau:

*“a) Quốc hội quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng mức kinh phí của từng chương trình mục tiêu quốc gia;*

*b) Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm cho từng địa phương theo tổng kinh phí chi thường xuyên của từng chương trình mục tiêu quốc gia;”*

Tại điểm a khoản 5 Điều 7 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg quy định:

“*5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*a) Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương được quy định tại Quyết định này, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm cho các ngành, các cấp của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*”.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Công tác phân bổ kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình) được thực hiện theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND); số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND (Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND); số 13/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND (Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND).

Theo quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15, dự toán chi thường xuyên của các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) có thể được điều chỉnh giữa các dự án thành phần trong cùng một CTMTQG; đồng thời, theo quy định của Luật NSNN năm 2015 cho phép điều chỉnh dự toán giữa các đơn vị. Tuy nhiên, hiện nay nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của các dự án thành phần đối với đơn vị cấp tỉnh tại các Nghị quyết nêu trên của HĐND tỉnh được ấn định cụ thể mức phân bổ tối đa cho từng đơn vị; quá trình thực hiện có đơn vị thừa hoặc thiếu kinh phí nhưng không có cơ sở điều chuyển kinh phí giữa đơn vị thừa với đơn vị thiếu vốn. Như vậy, hiện nay riêng các đơn vị cấp tỉnh chưa có cơ sở điều chỉnh dự toán chi thường xuyên theo quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 và Luật NSNN năm 2015. Đồng thời, định mức phân bổ đối với tiểu dự án 4 dự án 5 (Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp) của Chương trình mới chỉ phân bổ cho Ban Dân tộc với mức 5% trên tổng số vốn của tiểu dự án này là chưa phù hợp; thực tế còn một số đơn vị như Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng có nhu cầu thực hiện, tuy nhiên chưa được phân bổ kinh phí, mức phân bổ 5% cho đơn vị cấp tỉnh cũng chưa đảm bảo đủ nguồn thực hiện, trong khi tại các huyện thành phố qua 02 năm thực hiện dư rất lớn.

Để khắc phục hạn chế nêu trên và đảm bảo giải ngân có hiệu quả nguồn kinh phí của Chương trình, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung về định mức phân bổ kinh phí sự nghiệp tại các Nghị quyết: Số 02/2022/NQ-HĐND, số 18/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh chủ yếu theo hướng: Những nội dung, tiểu dự án, dự án của Chương trình dự kiến có từ 02 đơn vị cấp tỉnh thực hiện trở lên sẽ đề xuất không ấn định phân bổ theo tỷ lệ cho từng đơn vị mà chỉ phân bổ một tỷ lệ chung cho các đơn vị cấp tỉnh.

Việc phân bổ như trên sẽ thuận lợi cho việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên giữa các đơn vị cấp tỉnh; bên cạnh đó, thực hiện theo Nghị quyết số 111/2024/QH15, từ năm 2025, Trung ương sẽ không phân bổ kinh phí các CTMTQG chi tiết đến dự án thành phần mà chỉ phân bổ tổng kinh phí CTMTQG cho các tỉnh, như vậy để xác định được số kinh phí của mỗi dự án thành phần cần phải dựa trên cơ sở báo cáo nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện của từng đơn vị, theo đó việc ấn định mỗi đơn vị phân bổ ở mức một tỷ lệ nhất định là không còn phù hợp.

Từ những nội dung nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh)là cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**

Đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý trong việc điều chỉnh kinh phí chi thường xuyên các CTMTQG đối với đơn vị dự toán cấp tỉnh; từ đó góp phần thực hiện, giải ngân nguồn kinh phí sự nghiệp các CTMTQG ở mức cao nhất.

**2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN năm 2015; Nghị quyết số 111/2024/QH15; Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và phù hợp với tình hình triển khai thực hiện CTMTQG trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn).

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có liên quan đến việc triển khai thực hiện các CTMTQG.

**IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy trình tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết; đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các Sở, ngành, địa phương; gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định; tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh ban hành.

**V. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 2 Điều:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh).

- Điều 2. Tổ chức thực hiện

**2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh), cụ thể:

2.1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 9 (sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“Phân bổ cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh tối đa 19% tổng số vốn của tiểu dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ”

2.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Tối đa 16% tổng số vốn sự nghiệp của nội dung 1 của tiểu dự án 2”

“b) Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học: Phân bổ 100% tổng vốn sự nghiệp của nội dung 2 của tiểu dự án 2 cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.”

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh tối đa 10% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 4.”

2.3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất Điều 14 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND như sau:

“- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Tối đa 12% tổng số vốn sự nghiệp của dự án 8”

2.4. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất Điều 15 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2”.

2.5. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

a) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất khoản 1 Điều 16 (sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1.”

b) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 16 (sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Tối đa 67% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2”

c) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Điều 16 (sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND) như sau:

“- Phân bổ cho các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh: Tối đa 44% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3”

Trên cơ sở tổng nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình được giao, tỷ lệ kinh phí sự nghiệp của từng dự án, tiểu dự án thuộc cấp tỉnh, nhu cầu thực tế triển khai thực hiện của các đơn vị cấp tỉnh, Sở Tài chính tham mưu trình phân bổ kinh phí sự nghiệp của Chương trình cho các đơn vị theo đúng quy định.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyếtsửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh), Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

*(UBND tỉnh gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết kèm theo, gồm: 1. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; 2. Thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết; 3. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; 4. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; 5. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các đơn vị, địa phương; 6. Các ý kiến đóng góp của đơn vị, địa phương)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên (Đ/n);  - CT, các PCT UBND Tỉnh;  - Sở Tài chính;  - LĐVP (Ô. Nguyên);  - Lưu: VT, Hồng, Lan. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |